

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

**ĐỀ NGHỊ CẤP/CẤP THAY THẺ GIẤY PHÉP CITES/ REQUEST FOR CITES
PERMIT/REPLACED CITES PERMIT**

Kính gửi:

1. Tên tổ chức, cá nhân đề nghị cấp phép/ *Name of requesting organization, individual:*

.....

2. Địa chỉ, điện thoại/ *Address, cellphone/telephone number:*

- Đối với tổ chức: Địa chỉ trụ sở, số, ngày đăng ký kinh doanh, số điện thoại liên hệ/
*Organization: Address of head office, Business registration number, date of issue and
cellphone/telephone number:.....*

- Đối với cá nhân: Địa chỉ thường trú, điện thoại và số căn cước công dân hoặc hộ chiếu
hoặc số định danh cá nhân/ *Individual: Permanent Address, cellphone/telephone number
and citizen identification card or passport number or personal identification number:*

.....

3. Nội dung đề nghị/ *Request:*

☐ Cấp giấy phép CITES/*Request for CITES permit:* ☐ Nhập khẩu/*Import*

☐ Xuất khẩu/*Export* ☐ Tái xuất khẩu/*Re-export*

☐ Cấp thay thế giấy phép CITES/ *Request for replaced CITES permit* (Lý do/*Reason:*

☐ Giấy phép CITES bị hỏng/ *CITES permit is damaged* ☐ Giấy phép CITES có sai
sót/*CITES permit is incorrect; Nội dung cần thay đổi thông tin/ Information to be
updated*)

☐ Cấp giấy phép CITES nhập nội từ biển/*Request for introduction from the sea CITES
permit*

4. Tên loài/ *Name of species*

- Tên khoa học (tên La tinh)/*Scientific name:*

- Tên tiếng Anh, tiếng Việt/*Common name (English, Vietnamese):*

- Số lượng (bằng số, bằng chữ: ...)/*Quantity (in figures, in words:):*..... ..

- Đơn vị (con, kg, mảnh, chiếc...)/*Unit (individual, kg, piece...):*

- Mục đích của việc đề nghị cấp giấy phép CITES/ *Purpose of request for CITES
permit:*.....

5. Số lượng giấy phép đề nghị/ *Number of permit requested:*

6. Nguồn gốc mẫu vật³⁸/ *Origin of specimens*:.....
7. Mô tả chi tiết (kích cỡ, tình trạng, loại sản phẩm...)/ *Detailed description (size, status, type of products...)*:... ..
8. Tên và địa chỉ của tổ chức, cá nhân xuất khẩu, nhập khẩu bằng tiếng Việt và tiếng Anh/
Name and address of exporting and importing organization, individual in Vietnamese and in English:.....
9. Thời gian dự kiến xuất khẩu, nhập khẩu/ *Expected exporting, importing time*:
.....

Tôi xin cam đoan việc khai báo trên đây là đúng và xin chịu trách nhiệm trước pháp luật/
I hereby certify that the above declared information is true and shall take responsibility before the laws.

*Địa điểm/place ... Ngày/date ... tháng/month ...
năm/year ...*

Ký tên/Signature

*(Tổ chức: ghi rõ họ, tên, chức vụ của người đại diện và
đóng dấu; cá nhân: ghi rõ họ, tên)/*

*(Organization: specify full name, position of the
authorized person and stamp; Individual: specify
fullname).*

³⁸ Ghi rõ mẫu vật có nguồn gốc khai thác từ tự nhiên/nuôi sinh sản/nuôi sinh trường/trồng cấy nhân tạo và thông tin mã số cơ sở nuôi/cơ sở trồng/giấy chứng nhận cơ sở bảo tồn đa dạng sinh học, số bảng kê lâm sản/giấy xác nhận nguồn gốc thủy sản/sổ tờ khai hải quan và số giấy phép xuất khẩu/tái xuất khẩu do cơ quan thẩm quyền quản lý CITES xuất khẩu/tái xuất khẩu cấp (đối với đề nghị cấp giấy phép CITES xuất khẩu/tái xuất khẩu) hoặc ghi thông tin số giấy phép xuất khẩu/tái xuất khẩu, ngày cấp, quốc gia cấp (đối với đề nghị cấp giấy phép CITES nhập khẩu).